

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2016

THÔNG TƯ

**Quản lý các hoạt động cho vay từ nguồn vốn
của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia**

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 23/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quản lý các hoạt động cho vay từ nguồn vốn của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về việc quản lý các hoạt động cho vay từ nguồn vốn của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này được áp dụng đối với:

1. Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia.
2. Tổ chức và cá nhân có nhu cầu được vay vốn để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.
3. Tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
4. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ được hiểu như sau:

1. *Quỹ* là viết tắt của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia.
2. *Khách hàng* là tên gọi chung cho tổ chức và cá nhân có nhu cầu và được vay vốn từ nguồn vốn của Quỹ.
3. *Ngân hàng nhận ủy thác* là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được Quỹ ủy thác thực hiện hoạt động cho vay.
4. *Ủy thác cho vay* là việc Quỹ giao cho Ngân hàng nhận ủy thác thực hiện một số hoạt động liên quan đến việc cho vay đối với khách hàng vay vốn của Quỹ theo quy định của pháp luật.
5. *Hợp đồng nhận ủy thác và ủy thác cho vay (sau đây gọi tắt là Hợp đồng ủy thác)* là thỏa thuận bằng văn bản giữa bên nhận ủy thác hoạt động cho vay và Quỹ nhằm xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền và nghĩa vụ của các bên về việc ủy thác và nhận ủy thác hoạt động cho vay.

Điều 4. Nguyên tắc chung về việc cho vay

1. Quỹ thực hiện cho vay đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (sau đây gọi tắt là dự án) theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia ban hành kèm theo Nghị định số 23/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ (sau đây gọi tắt là Nghị định số 23/2014/NĐ-CP) và các văn bản có liên quan.
2. Quỹ thành lập Hội đồng khoa học và công nghệ (sau đây gọi tắt là Hội đồng) để xét chọn các dự án đề nghị vay vốn theo nguyên tắc công khai, bình đẳng; việc thẩm định tín dụng và các nghiệp vụ liên quan được ủy thác cho một tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện.
3. Các dự án đề nghị được vay vốn không đồng thời nhận các tài trợ, hỗ trợ từ các nguồn Ngân sách Nhà nước khác cho các nội dung xin vay vốn tại Quỹ theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư này.
4. Khách hàng vay vốn của Quỹ phải cung cấp hồ sơ chứng minh dự án đã được phê duyệt, chứng minh năng lực tài chính để thực hiện dự án, tính hiệu quả kinh tế của dự án, có khả năng hoàn trả gốc, lãi đầy đủ, đúng hạn; cung cấp hồ sơ về tài sản bảo đảm tiền vay và tự chi trả mọi chi phí phát sinh liên quan đến các thủ tục trên.
5. Khách hàng vay vốn của Quỹ phải bảo đảm sử dụng vốn vay đúng mục đích, hoàn trả nợ gốc và lãi tiền vay đúng thời hạn.

Chương II

TỔ CHỨC THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG CHO VAY

Điều 5. Đối tượng và điều kiện được xem xét vay vốn

1. Đối tượng được vay vốn từ nguồn vốn của Quỹ quy định tại Khoản 2 Điều 3 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia ban hành kèm theo Nghị định số 23/2014/NĐ-CP.
2. Khách hàng vay vốn phải đáp ứng các yêu cầu sau:
 - a) Có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự và chịu

trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật;

b) Có đủ năng lực chuyên môn và điều kiện cơ sở vật chất để thực hiện dự án vay vốn theo quy định;

c) Thực hiện các quy định về bảo đảm tiền vay theo quy định tại Điều 7 Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan;

d) Tại thời điểm đề nghị vay vốn, không có các khoản nợ đọng thuế, nợ xấu tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

đ) Có vốn tự có tham gia thực hiện dự án tối thiểu là 20% tổng vốn đầu tư của dự án.

3. Dự án vay vốn phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (bao gồm cả xác nhận đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường);

b) Công nghệ thuộc quyền sử dụng hợp pháp của khách hàng và không thuộc danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao hoặc danh mục công nghệ cấm chuyển giao;

c) Sản phẩm của dự án được sản xuất và lưu hành theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Tiêu chí xác định lãi suất cho vay và nội dung được vay vốn

1. Tiêu chí xác định lãi suất cho vay thực hiện theo quy định của Khoản 3 Điều 13 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia ban hành kèm theo Nghị định số 23/2014/NĐ-CP. Cụ thể như sau:

a) Cho vay không lấy lãi đối với các dự án đáp ứng các tiêu chí sau:

- Dự án ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được tạo ra trong nước từ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được nghiệm thu ở mức “đạt” trở lên và được cơ quan có thẩm quyền công nhận kết quả;

- Dự án tạo việc làm, thu nhập cho ít nhất 500 (năm trăm) lao động trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất, tiêu thụ sản phẩm của dự án tại các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn được quy định tại Phụ lục II Nghị định số 118/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 12 tháng 11 năm 2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

b) Cho vay với lãi suất bằng 70% lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước trong từng thời kỳ được áp dụng đối với các dự án ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được tạo ra trong nước từ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được nghiệm thu ở mức “đạt” trở lên và được cơ quan có thẩm quyền công nhận kết quả;

c) Cho vay với lãi suất bằng lãi suất cho vay tín dụng đầu tư của Nhà nước trong từng thời kỳ được áp dụng đối với các dự án ứng dụng, chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ từ nước ngoài phù hợp với Luật

chuyển giao công nghệ.

2. Các nội dung thực hiện dự án được xem xét cho vay bao gồm: mua nguyên, nhiên, vật liệu, dụng cụ, phụ tùng; mua máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ; mua bí quyết công nghệ, chuyển giao công nghệ; thuê chuyên gia trong và ngoài nước.

Điều 7. Bảo đảm tiền vay

1. Khoản đề nghị vay vốn phải có bảo đảm tiền vay với giá trị tối thiểu bằng 100% giá trị khoản vay.

2. Các biện pháp bảo đảm tiền vay được chấp nhận là một trong hai trường hợp sau:

a) Bảo lãnh ngân hàng;

b) Thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở, phương tiện vận tải, máy móc, dây chuyền thiết bị (bao gồm tài sản hiện hữu hoặc tài sản hình thành trong tương lai). Tài sản dùng làm bảo đảm tiền vay phải có nguồn gốc xuất xứ, được tổ chức định giá tài sản có uy tín (thuộc danh mục do Bộ Tài chính công bố) thẩm định, được phép giao dịch, có thanh khoản, không bị tranh chấp và được mua bảo hiểm mọi rủi ro trong suốt thời gian bảo đảm.

3. Trình tự và thủ tục bảo đảm tiền vay, xử lý tài sản bảo đảm tiền vay thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo đảm tiền vay và hợp đồng bảo đảm đã ký.

Điều 8. Hạn mức cho vay

1. Quỹ cho vay tối đa 70% tổng vốn đầu tư của dự án và không quá 10 (mười) tỷ đồng/dự án.

2. Thời hạn cho vay cho một dự án tối đa là 36 (ba mươi sáu) tháng.

3. Tổng doanh số cho vay hàng năm không quá 20% và tổng dư nợ cho vay không quá 50% vốn điều lệ của Quỹ. Tổng doanh số cho vay hàng năm đối với các dự án quy định tại Điểm a và b Khoản 1 Điều 6 Thông tư này không lớn hơn 2/3 vốn cho vay theo kế hoạch được phê duyệt.

Điều 9. Ủy thác cho vay

1. Nguyên tắc ủy thác:

a) Quỹ ủy thác hoạt động cho vay cho Ngân hàng nhận ủy thác thông qua Hợp đồng ủy thác.

Nội dung của Hợp đồng ủy thác quy định các nội dung về nghĩa vụ, quyền lợi, trách nhiệm của Quỹ và Ngân hàng nhận ủy thác và các nội dung khác do các bên thoả thuận phù hợp và tuân thủ quy định pháp luật hiện hành về nhận ủy thác, quy định cho vay từ nguồn vốn của Quỹ tại Thông tư này và các văn bản pháp luật có liên quan.

b) Ngân hàng nhận ủy thác thực hiện các nghiệp vụ được ủy thác theo quy định tại Hợp đồng ủy thác và quy định của pháp luật hiện hành về cấp tín dụng của

tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng và quy trình của Ngân hàng nhận ủy thác.

2. Yêu cầu đối với bên nhận ủy thác:

a) Đáp ứng các điều kiện về thực hiện nhận ủy thác theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 30/2014/TT-NHNN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về ủy thác và nhận ủy thác của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (sau đây gọi tắt là Thông tư số 30/2014/TT-NHNN);

b) Cam kết cấp tín dụng tối thiểu 30% tổng vốn đầu tư của dự án đã được Quỹ chấp thuận cho vay, trừ trường hợp Ngân hàng bảo lãnh cho khách hàng 100% giá trị khoản vay;

c) Trường hợp có nhiều ngân hàng đáp ứng được các yêu cầu nêu trên, Quỹ sẽ lựa chọn ngân hàng có tỷ lệ nợ xấu thấp nhất tại thời điểm xem xét lựa chọn Ngân hàng nhận ủy thác.

3. Nội dung, phạm vi ủy thác:

Quỹ ủy thác cho Ngân hàng nhận ủy thác thực hiện các nghiệp vụ như sau: thẩm định tín dụng; soạn thảo và ký kết hợp đồng cho vay, hợp đồng bảo đảm tiền vay; một số phần việc liên quan đến bảo đảm tiền vay và xử lý bảo đảm tiền vay; giải ngân vốn cho vay; kiểm tra giám sát việc sử dụng vốn vay; thu hồi các khoản vốn cho vay, thu lãi vay và nội dung khác phù hợp với quy định hiện hành về ủy thác và nhận ủy thác.

Nội dung, phạm vi ủy thác cụ thể cho từng khoản vay được quy định trong Hợp đồng ủy thác.

4. Phí ủy thác:

Phí ủy thác được thỏa thuận giữa Quỹ và Ngân hàng nhận ủy thác nhưng chênh lệch không quá 30% phí ủy thác công bố của Ngân hàng nhận ủy thác tại thời điểm ký Hợp đồng ủy thác đối với từng dự án cho vay.

5. Quy trình phối hợp:

a) Quỹ và Ngân hàng nhận ủy thác thực hiện ký Hợp đồng ủy thác nguyên tắc trong đó thỏa thuận các hợp tác cơ bản giữa các bên phù hợp với quy định tại Điều 5 Thông tư số 30/2014/TT-NHNN.

b) Quỹ tổ chức đánh giá, xét chọn các dự án theo các tiêu chí khoa học và công nghệ, xác định mục đích sử dụng vốn, quy định về mức lãi suất được áp dụng theo quy định tại Khoản 1 Điều 11 Thông tư này và gửi kết quả cho Ngân hàng nhận ủy thác.

c) Ngân hàng nhận ủy thác thực hiện thẩm định tín dụng theo quy định của Ngân hàng sau khi có văn bản đề nghị của Quỹ đối với dự án được Hội đồng đề nghị cho vay.

d) Quỹ tổng hợp kết quả đánh giá của Hội đồng và kết quả thẩm định tín dụng của ngân hàng để trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét phê duyệt cho vay.